TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HN-ST
Ngày: 17/6/2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1**.** Bà Lê Thị Hoàng Diễm

2. Bà Lê Thị Kim Thu

- Thư ký phiên tòa: ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 05 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 167/2022/TLST- HN ngày 31 tháng 03 năm 2022 về việc *"xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HN ngày 06 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị N, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp M, xã Phú N, huyện L, tỉnh Bến Tre.

(Tại phiên tòa chị N có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2021, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Huỳnh Xuân Vũ trình bày:

Chị và anh H tự nguyện sống chung năm 2014, và đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung chị và anh H có một con chung tên Nguyễn Ngọc A sinh ngày 20/8/2014.

Năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm anh H không chịu lo làm ăn, một mình chị lo trang trải kinh tế gia đình, tính tình không phù hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị và anh H sống ly thân với nhau đã hai năm.Chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh H, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Về con chung: chị đồng ý giao con chung tên Nguyễn Ngọc A sinh ngày 20/8/2014 cho anh H nuôi và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị N về quá trình kết hôn, tài sản chung, con chung và nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng, theo anh thì con của anh và chị N còn quá nhỏ, anh cũng thấy anh chưa tròn trách nhiệm, nhưng nay anh đã đi làm rồi, chỗ làm của anh xa chỗ làm của chị N, nên cả hai sống ly thân chứ anh vẫn còn thương vợ con. Anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu trường hợp Toà buộc ly hôn, anh yêu cầu giao con chung tên Nguyễn Ngọc A sinh ngày 20/8/2014 cho anh nuôi và anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Sau khi ly hôn anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh H. Con chung: giao con chung tên Nguyễn Ngọc A sinh ngày 20/8/2014 cho anh Nguyễn Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: chị N và anh H thống nhất khai không có nên đề nghị Toà án ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn H sống chung vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú An Hoà, huyện Châu Thành, tỉnh

Bến Tre vào năm 2014, hôn nhân do tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị N yêu cầu giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị N cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh H không chịu lo làm ăn, một mình chị trang trải kinh tế gia đình, tính tình không phù hợp, chị đã sống ly thân với anh H đã hơn hai năm. Anh H cũng nhận thấy anh chưa làm tròn trách nhiệm với vợ con, nhưng nay anh đã tìm việc và đã đi làm, chỗ làm của anh xa nơi làm của chị N nên vợ chồng không thể ở chung, buộc phải sống ly thân nhau, con anh còn nhỏ, anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy: chị N và anh H đều thừa nhận cả hai đã sống ly thân nhau hai năm. Đây là khoảng thời gian dài để chị N và anh H cùng nhau bàn bạc, tìm ra cách thức hóa giải những mâu thuẫn của đôi bên đề hàn gắn tình cảm, nhưng anh chị vẫn không làm được. Tại phiên tòa anh H vắng mặt, chị N vẫn kiên quyết ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án,anh H không đưa ra được phương cách hàn gắn tình cảm để chị N quay trở về nhà chung sống. Do đó có cơ sở khẳng định, hôn nhân của chị N và anh H không thể hàn gắn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt cho cả hai.

[5]Từ những nhận định trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre về việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Anh H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N đồng ý giao con chung cho anh H nuôi dưỡng, bên cạnh đó tại biên bản hỏi ý kiến con trong vụ án hôn nhân gia đình ngày 29/04/2022, cháu Nguyễn Ngọc A thể hiện mong muốn được sống chung với ba. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được nuôi con chung của anh H là chính đáng và phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con

[7] Ghi nhận anh H và chị N không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

[8] Về tài sản chung: chị N và anh H thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[9] Về nợ chung: chị N và anh H thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[10] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do chị N phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N đối với anh Nguyễn Văn H.

Về hôn nhân: chị Lê Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn H được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc A sinh ngày 20/8/2014 . Ghi nhận anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị N được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: chị N và anh H thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: chị N và anh H thống nhất khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà án không xem xét.

Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do chị Lê Thị N phải nộp, nhưng khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0006340 ngày 29/03/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị N đã nộp xong án phí.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Phú An Hoà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Ánh